

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020 TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Issued in association with Circular 98/2020 TT-BTC on 16 November 2020 of Ministry of Finance)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE CERTIFICATE

Ngày báo cáo: 05/05/2025 / Reporting date: 05 May 2025

1	Công ty Quản lý Quỹ: Fund Management Company:	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd
2	Ngân hàng Giám sát: Supervising bank:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 - Mã chứng khoán: FUEKIV30 KIM GROWTH VN30 ETF - Securities symbol: FUEKIV30
4	Kỳ báo cáo: Reporting Date:	Từ ngày 25/04/2025 đến ngày 01/05/2025 From date 25 Apr 2025 to date 01 May 2025

Đơn vị tính/Currency: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Mã số Item No	KY BAO CAO THIS PERIOD 01/05/2025	KY TRƯỚC LAST PERIOD 24/04/2025
A	Giá trị tài sản ròng/ Net asset value	2100		
A.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2101		
	Của quỹ/ of fund	2101.1	1.814.384.996.263	1.801.013.295.317
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2101.2	873.560.421	867.122.433
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2101.3	8.735,60	8.671,22
A.2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ/ Closing balance	2102		
	Của quỹ/ of fund	2102.1	1.812.163.499.755	1.814.384.996.263
	Của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot	2102.2	872.490.852	873.560.421
	Của một chứng chỉ quỹ/ per certificate	2102.3	8.724,90	8.735,60
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó Change of net asset value during the period, in which Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của quỹ trong kỳ Change due to investment activities during the period Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ trong kỳ Change due to subscription, redemption during the period Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change due to profit distribution to investors during the period	2103		
		2103.1	(2.221.496.508)	13.371.700.946
		2103.2		
		2103.3		
A.4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ so với kỳ trước Change of net asset value per certificate in comparison to previous period	2104	(10,70)	64,38
A.5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest net asset value within the nearest 52 weeks Giá trị cao nhất/ Highest value (VND) Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2105		
		2105.1	1.879.857.969.632	1.879.857.969.632
		2105.2	819.982.854.445	810.198.114.283
A.6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết) Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund) Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates Tổng giá trị/ Total value Tỷ lệ sở hữu/ Ownership ratio	2106		
		2106.1		
		2106.2		
		2106.3		
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market price (closing price of last session within the reporting day) of a certificate	2107		
B.1	Giá trị đầu kỳ/ Opening balance	2108	8.730	8.760
B.2	Giá trị cuối kỳ/ Closing balance	2109	8.710	8.730
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market price during the period in comparison to previous period	2110	(20)	(30)
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ Variance between market price and net asset value of one fund certificate Chênh lệch tuyệt đối/ Absolute variance (VND) Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+)) Relative variance (discount (-)/surplus (+))	2111		
		2111.1	(14,90)	(5,60)
		2111.2	(0,17)%	(0,06)%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest market value within the nearest 52 weeks Giá trị cao nhất/ Highest value (VND) Giá trị thấp nhất/ Lowest value (VND)	2112		
		2112.1	9.300	9.300
		2112.2	8.020	8.020

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát
Authorized Representative of Supervisor Bank

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Đào Trọng Thanh

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ
Authorized Representative of Fund Management Company

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

Yun Hang Jin
TỔNG GIÁM ĐỐC